TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 386/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 20 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ số 356/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Đoàn Thiên V, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Phú T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố hế 2, phường Phú T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Thiên V và bà Lê Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú V (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông V và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa ông V và bà H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Đoàn Thiên V và bà Lê Thị Thu H.

[2] Về con chung: Ông Đoàn Thiên V và bà Lê Thị Thu H xác nhận có 02 người con chung là cháu Đoàn Đình H1, sinh ngày 24/10/2009 và cháu Đoàn Đình H2, sinh ngày 13/5/2011. Hiện nay cả hai cháu H1 và H2 đều đang ở với bà H. Ông V, bà H thỏa thuận giao cả hai cháu H1 và H2 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Đoàn Thiên V không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Đoàn Thiên V và bà Lê Thị Thu H xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Ông Đoàn Thiên V và bà Lê Thị Thu H xác nhận không vay nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Thiên V và bà Lê Thị Thu H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Đoàn Thiên V và bà Lê Thị Thu H có 02 người con chung là cháu Đoàn Đình H1, sinh ngày 24/10/2009 và cháu Đoàn Đình H2 sinh ngày 13/5/2011. Hiện nay, cả hai cháu đều đang ở với bà Lê Thị Thu H.

Giao cả hai cháu Đoàn Đình H1 và Đoàn Đình H2 cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Đoàn Thiên V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Đoàn Thiên V và bà Lê Thị Thu H xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Ông Đoàn Thiên V và bà Lê Thị Thu H xác nhận không vay nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đoàn Thiên V và bà Lê Thị Thu H mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005919 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Đoàn Thiên V và bà Lê Thị Thu H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. Phú T, TP. H
(ĐKKH số 71, ngày 05/7/2013);
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh